

# DOÃN UẨN (1795-1850) VỚI THỜI ĐẠI CỦA ÔNG

ĐINH XUÂN LÂM\*

**D**oãn Uẩn bắt đầu con đường hoạn lộ với chức Điển bạ ở Viện Hàn lâm tại Kinh đô Huế, sau kỳ thi Hội không trúng cách năm Mậu Tý (1828), rồi liên tục trong hơn 20 năm (1829-1850), trải qua ba triều Minh Mạng (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847), Tự Đức (1847-1883), ông đã mang hết khả năng ra cống hiến không ngưng nghỉ cho đến lúc mất vào ngày 21 tháng 11 năm Kỷ Dậu (1849) - tức ngày 3-1-1850 tại nơi nhiệm sở, thọ 55 tuổi, lúc đó ông đang giữ chức Tổng đốc An Hà (An Giang - Hà Tiên).

Một đặc điểm của thời kỳ cầm quyền của triều Nguyễn là ngay từ năm 1802, năm đầu Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế sau khi đánh bại Tây Sơn, cho đến vua Tự Đức là ông vua cuối cùng của triều đại phong kiến độc lập, mâu thuẫn giữa tập đoàn phong kiến thống trị với nhân dân cả nước - chủ yếu là nông dân, đã trở nên vô cùng gay gắt và được bộc lộ ra ngoài một cách kịch liệt bằng hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân, xuyên suốt các đời vua nhà Nguyễn, càng về sau càng lớn mạnh hơn, đẩy giai cấp phong kiến cầm quyền vào một tình thế đối phó thường trực. Để bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của chúng, phong kiến nhà Nguyễn đã huy động mọi lực lượng quân sự trong tay vào việc trấn áp, tiêu diệt các cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ của nông dân trong cả nước. Phong kiến triều Nguyễn trong lúc tiến

hành "tiểu phi" quyết liệt đó - chúng gọi các cuộc nổi dậy của nông dân là "phi" - đã vừa làm cho lực lượng quân sự của triều đình suy yếu để trở thành bất lực, không hiệu quả trong chiến đấu, đồng thời cũng huỷ hoại mất khả năng kháng chiến to lớn trong nhân dân, và như vậy là đã tạo điều kiện cho tư bản Pháp dễ thôn tính nước ta khi chúng phát động chiến tranh xâm lược từ giữa thế kỷ XIX.

Nhưng cũng phải thừa nhận rằng triều Nguyễn đến thời kỳ Minh Mạng (1820-1841) đã phát triển tới một đỉnh cao, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn học, giáo dục, xã hội... đều có những thành tựu rực rỡ, và trong thực tế Việt Nam lúc đó đã trở thành một nước hùng mạnh trong khu vực. Tiếc rằng, các vua triều Nguyễn - đặc biệt là Minh Mạng đã không biết khai thác các điều kiện thuận lợi của đất nước lúc đó vào việc củng cố, phát triển đất nước lên một bước, bên trong ra sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển các ngành nghề truyền thống, mở rộng các ngành thương nghiệp, khai mỏ..., cải tiến chế độ thuế khoá, phu phen tạp dịch, trên cơ sở đó nâng cao đời sống nhân dân - chủ yếu là nông dân - đã bao năm chịu đựng biết bao thiên tai, lũ lụt, hạn hán, cộng thêm nội chiến và hành quân dân áp kéo dài.

\* GS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chính vào lúc đó thì tư bản Pháp, sau một quá trình điều tra lâu dài và liên tục, đang ra sức xúc tiến mạnh mẽ âm mưu xâm lược đối với Việt Nam. Ngay sau khi Gia Long mới lên ngôi (1802), tư bản Pháp đã muốn lợi dụng sự có mặt trong triều của một số người Pháp được Gia Long "trả ơn" vì có công giúp ông ta trong chiến tranh giành quyền lực với Tây Sơn (như Chaigneau, Vannier, de Forsans, Despiaud) để lũng đoạn tình hình Việt Nam. Nhưng tình hình nước Pháp lúc đó đã không cho phép chúng hành động trực tiếp. Phải đợi đến khi Bonaparte lên ngôi hoàng đế nước Pháp (Napoléon I) từ năm 1804 thì yêu cầu thiết lập một căn cứ quân sự của Pháp tại vùng biển Trung Hoa - trong đó có Việt Nam mới trở thành một điều kiện rất có lợi nếu chiến tranh giành quyền lợi giữa hai nước địch thủ cổ truyền Anh - Pháp bùng nổ. Trong việc thực hiện âm mưu này, ngay từ đầu hai lực lượng giáo sĩ và thương nhân Pháp đã hợp tác chặt chẽ với nhau, giáo sĩ với tấm áo choàng và dây tràng hạt mở đường đi trước, thương nhân với các gánh hàng hóa theo sau, dọn đường cho đạo quân viễn chinh sẽ tới. Lúc này tư bản Anh cũng tăng cường sức ạo trên các mặt biển, làm cho tư bản Pháp lo ngại.

Nhưng tình hình châu Âu ngày càng biến chuyển bất lợi cho Pháp, để cuối cùng dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn của Napoléon I (1815). Chế độ quân chủ tư sản Pháp được phục hồi, vua Louis XVIII lên ngôi lại tiếp tục ý chí xâm chiếm Việt Nam. Sau khi chiến tranh đã chấm dứt ở châu Âu, việc giao thương đường biển lại mở rộng, thương gia các nước châu Âu ráo riết đua nhau vượt biển sang phương Đông. Riêng nước Pháp vốn đã có âm mưu từ trước, lại có tay trong ngay tại triều đình Huế, thêm vào đó các công ty thương mại ở các thành phố lớn

của Pháp (như Nantes, Lorient, Bordeaux) được nhà cầm quyền hết lòng nâng đỡ, khuyến khích, đã tăng cường hoạt động, liên tiếp phái tàu sang Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các giáo sĩ kiêm gián điệp nằm vùng bên trong để khuyếch trương thế lực chính trị và tinh thần cho nước Pháp. Chúng còn tìm cách can thiệp vào nội bộ dòng họ nhà vua, ủng hộ việc đưa con trai của hoàng tử Cảnh lên nối ngôi Gia Long, trong khi bản thân Gia Long lại chọn Minh Mạng (em hoàng tử Cảnh) lên ngôi. Đến khi Minh Mạng lên ngôi (1820), mối quan hệ Việt - Pháp càng thêm căng thẳng. Triều đình đã không công nhận Eugène Chaigneau (là con trai của Baptiste Chaigneau trước kia) làm lãnh sự tại Huế, ra lệnh bắt giam, thậm chí xử tử các giáo sĩ, giáo dân không tuân theo lệnh cấm đạo của triều đình... Giữa lúc đó, cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi bùng nổ ở Nam Kỳ (7-1833) có sự tham gia của giáo sĩ Pháp càng làm cho Minh Mạng thêm tức giận, nên càng đẩy mạnh các hành động đàn áp khủng bố, giết hại các giáo sĩ nước ngoài. Triều đình Huế càng đẩy mạnh khủng bố tàn bạo bao nhiêu càng tạo điều kiện cho những phần tử xấu hoạt động chia rẽ, phá hoại, dọn đường cho sự xâm lược của nước ngoài.

Trong tình hình đó, Minh Mạng nhận thấy phải mở rộng ngoại giao với nước ngoài, từ đầu năm 1840 đã liên tiếp cử nhiều sứ bộ sang Nam Dương, Ấn Độ, Anh và đặt quan hệ với nhiều nước khác để hạn chế sự lũng đoạn của tư bản Pháp đối với nước ta (như Anh, Hoa Kỳ), kể cả việc cử sứ bộ sang Pháp điều đình về việc giảng đạo ở nước ta (1840). Nhưng tất cả các hoạt động đó trước sau đều thất bại, chỉ cho thấy sự lo ngại to lớn, tình trạng bối rối cùng cực của triều đình Huế, tự bản thân nhận thấy rõ

tai họa đang sắp đổ xuống đầu mà không sao tránh khỏi.

Vào lúc đó đường lối duy nhất đúng mà triều đình Huế cần thi hành về đối ngoại là tăng cường và thắt chặt tình đoàn kết với các nước láng giềng phía sau lưng Việt Nam là Cao Miên và Lào cũng đang nằm trong tầm ngắm của tư bản phương Tây. Đã không làm như vậy, lại còn ra sức bành trướng thế lực về phía Tây, thủ tiêu một khả năng liên minh chiến đấu giữa ba dân tộc, tạo ra một tình hình vô cùng có lợi cho kẻ xâm lược.

Thiệu Trị lên ngôi năm 1841, thái độ đối với phương Tây về cơ bản không có gì thay đổi so với các triều đại trước. Nhưng do sự uy hiếp của tư bản Pháp ngày càng mạnh và trắng trợn hơn, việc cấm đạo tuy vẫn tiếp tục nhưng có phần kín đáo và ít gay gắt hơn, các giáo sĩ nước ngoài hay người trong nước bị bắt chỉ bị trục xuất hay tống giam mà không bị xử tử như trước. Các tín đồ Thiên chúa giáo cũng được sống yên ổn hơn. Trong khi đó thì đến lúc này, trên bước đường phát triển mới tư bản Pháp đã có nhu cầu thuộc địa lớn hơn, thúc bách hơn.

Kết hợp với tình hình đó, việc thực dân Anh rồi Hoa Kỳ bắt Trung Quốc phải ký hiệp ước bất bình đẳng này tới hiệp ước bất bình đẳng khác dành cho chúng nhiều quyền lợi lớn trong khu vực càng làm cho Pháp nôn nóng muốn hành động gấp. Nổi gót thực dân Anh - Mỹ, tư bản Pháp cũng làm áp lực quân sự buộc Trung Quốc ký hiệp ước bất bình đẳng Hoàng Phố (24-10-1844) dành cho chúng nhiều quyền lợi lớn về buôn bán và truyền giáo.

Vòng vây của chủ nghĩa tư bản ngày càng thắt chặt. Trong sáu tháng đầu năm 1845, hai lần tàu chiến Pháp cập bến Đà Nẵng đòi thả các giáo sĩ Pháp đang bị giam giữ ở nước ta, và triều đình Huế đã phải

nhượng bộ. Đến tháng 3-1847, hạm đội Pháp lại kéo tới Đà Nẵng nổ súng đánh chìm 5 thuyền đồng của ta, tàn sát nhiều người sau đó rút lui. Chớp thời cơ, tư bản Anh cũng muốn nhảy vào cuộc. Tháng 10-1847, Toàn quyền Anh ở Hồng Kông là John Davis dẫn đầu một chiến hạm và một tàu máy tới Đà Nẵng, mang theo quốc thư của Nữ hoàng Anh xin cho quân Anh được lên đóng đồn trên bờ, đồng thời đề nghị hai nước cùng thương ước và liên minh quân sự để chống lại Pháp khi chúng tấn công. Nhưng Thiệu Trị đã từ chối không tiếp.

Thiệu Trị chết cuối năm 1847 và Tự Đức lên thay. Đến lúc này chế độ phong kiến nhà Nguyễn trên bước đường suy thoái đã trở nên sâu mọt và phản động hơn. Phong trào nông dân vì vậy ngày càng thêm phát triển rộng lớn. Sự uy hiếp của tư bản nước ngoài càng dồn dập hơn. Vua Tự Đức bối rối, bị động đối phó, tưởng đâu rằng con đường "bế quan toả cảng" có thể giúp ông ta không mất nước. Nhưng sự eo rúm của triều Nguyễn đã không giúp nó thoát khỏi sự tấn công của tư bản Pháp, mà còn cô lập nước ta với thế giới bên ngoài, có tác động tai hại là kìm hãm nước ta đang cần có bước phát triển mới để có khả năng bảo vệ độc lập dân tộc.

Trước những hoạt động của các giáo sĩ ngày càng dấy mạnh, vua Tự Đức đã phản ứng bằng việc thi hành hàng loạt các chính sách sai lầm nghiêm trọng. Chính sách cấm đạo với nhiều hình phạt tàn khốc đã được ban hành, như ném xuống biển những người nước ngoài vào giảng đạo; thích chửi vào mặt, rồi dày di nơi rừng sâu nước độc những đạo trưởng trong nước không chịu bỏ đạo và những ai chứa chấp giáo sĩ nước ngoài; đốt phá nhiều nhà thờ cùng làng xóm đạo... Nhưng chính phủ Pháp lúc này vẫn chưa có điều kiện tiến hành một cuộc can thiệp vũ trang ở một vùng đất xa xôi.

Phải đến cuối năm 1856, sau khi mâu thuẫn Anh - Pháp tạm thời hoà hoãn, kết hợp với báo cáo của các giáo sĩ và thương nhân cho biết tình hình ngày càng suy đốn của triều đình Huế đang rối loạn vì các phe phái nổi dậy chống lại triều đình thì tư bản Pháp mới dứt khoát hành động.

Tàu chiến Catinat, rồi tàu chiến Capricieuse tới Huế và Đà Nẵng, và cuối cùng ngày 23-1-1857, phái viên của Napoléon III tới Đà Nẵng với danh nghĩa sang thương thuyết với triều đình Huế về vấn đề truyền đạo và buôn bán, thực chất là để dọn đường cho một cuộc can thiệp vũ trang sắp tới.

Vua Tự Đức trước sau vẫn cương quyết cự tuyệt. Để thấy rõ hơn dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, trước khi Montigny tới Đà Nẵng thì chính phủ Pháp đã chỉ thị cho Phó Đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy hạm đội Pháp đang tham gia cuộc liên quân tấn công Trung Quốc rằng sau khi bán phá xong Quảng Châu (Trung Quốc) thì phải đưa quân ngay về Đà Nẵng để hành động. Cuối cùng quyết định can thiệp vũ trang xâm lược Việt Nam đã được Napoléon III thông qua (7-1857) và sau khi đánh xong Quảng Châu thì quân Pháp hợp lực với quân Tây Ban Nha kéo thẳng xuống vùng biển phía Nam. Sáng sớm ngày 1-9-1858, cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam bắt đầu.

Trên đây phác qua tình hình đối nội và đối ngoại nước ta trong thời đại Doãn Uẩn sống và hoạt động, chủ yếu là giới hạn trong thời ông bắt đầu ra làm quan (1829) cho đến lúc ông mất (1-1850).

Theo dõi con đường hoạn lộ của Doãn Uẩn, trải qua 3 triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, khi ở kinh đô, lúc ở các địa phương, kinh qua nhiều chức vụ, đảm nhận

những công việc khó khăn phức tạp, khi sung làm Kinh lược Phó sứ Thanh Hóa, lúc làm Khâm sai ở Bình Định, lúc được cử làm Phó Khâm sai Trấn Tây... những nơi đầu sóng ngọn gió đều có mặt ông, những công việc khó khăn vào bậc nhất đều giao cho ông. Qua đó chứng tỏ Doãn Uẩn thực sự là một ông quan có thực tài, lại có tinh thần trách nhiệm mỗi khi được nhà vua giao việc thì đều phấn đấu hoàn thành, với chất lượng cao nhất, bất chấp mọi khó khăn gian khổ, thậm chí có khi cái chết liền kề, tất nhiên không ngoài ý thức một trung thần đối với nhà vua. Nhưng điều đáng trân trọng là trong công việc, không phải Doãn Uẩn chỉ thể hiện cái tài, mà quan trọng hơn là thể hiện cái tâm của một nhà nho chân chính, trong cách giải quyết công việc có sự quan tâm đến quyền lợi của người dân nên có khả năng cảm hoá thu phục lòng người. Đã vậy, đời làm quan của ông nổi tiếng về đức thanh liêm, đến mức sau khi ông mất, các quan đồng僚 phải tâu xin triều đình ban ơn ngoại lệ, vua Tự Đức đã đặc cấp cho gia đình Doãn Uẩn 4 mẫu ruộng hạng nhất trích từ ruộng công ở quê (theo Gia phả họ Doãn ở Song Lăng, Vũ Thư).

Tất cả các công trạng đó đều được hoàn thành trong một bối cảnh đất nước khó khăn vào thời đại khủng hoảng của nhà nước phong kiến đang trượt dài trên con đường suy vong.

Danh thần triều Nguyễn Doãn Uẩn đã quy tụ một cách rực rỡ được hai truyền thống "kiếm thư đại nghiệp" với "kiệm cần nhị tự" luôn được tôn vinh trong dòng họ Doãn để con cháu đời đời soi chung và đang ra sức phát huy trong những điều kiện lịch sử mới.